

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

- Tên gói thầu: Duy tu thoát nước năm 2026 trên địa bàn xã Nhà Bè.
- Tên Dự án: Sản phẩm dịch vụ công ích duy tu thoát nước 2026 trên địa bàn xã Nhà Bè.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Nhà Bè.
- Nguồn vốn: Ngân sách xã.
- Địa điểm: Xã Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh.
- Giá dự thầu phải bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế (VAT = 8%), phí, lệ phí, chi phí dự phòng (nếu có).

2. Mục tiêu công việc: Việc đầu tư “Duy tu thoát nước năm 2026 trên địa bàn xã Nhà Bè” hiện nay là cần thiết để nhằm khơi thông dòng chảy, đảm bảo môi trường trong sạch, đồng thời tạo mỹ quan sạch đẹp, đảm bảo an toàn trong việc nạo vét công trình thì việc Duy tu thoát nước trên địa bàn huyện Nhà Bè năm 2026 là hết sức cần thiết.

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

- Thực hiện nạo vét lòng cống, hầm ga, bùn mương rạch của 294 tuyến đường, hẻm trên địa bàn xã Nhà Bè, cụ thể:

STT	HẠNG MỤC CÔNG TÁC	ĐVT	KHỐI LƯỢNG
1	Nạo vét lòng cống tròn và hầm ga, máng bằng thủ công. Loai hầm 60x60 (D=300)	100 md	105,70
2	Nạo vét lòng cống tròn và hầm ga, máng bằng thủ công. Loai hầm 75x75 (D=400)	100 md	89,90
3	Nạo vét lòng cống tròn và hầm ga, máng bằng thủ công. Loai hầm 90x90 (D=600)	100 md	150,81
4	Nạo vét lòng cống tròn và hầm ga, máng bằng thủ công. Loai hầm 90x90 (D=800)	100 md	17,76
5	Nạo vét lòng cống tròn và hầm ga, máng bằng thủ công. Loai hầm 90x90 (D=1000)	100 md	7,93
6	Nạo vét lòng cống tròn và hầm ga, máng bằng thủ công. Loai hầm 90x90 (D=1200)	100 md	1,40
7	Nạo vét bùn mương rạch bằng thủ công, B ≤ 6 có hành lang, có lối vào	m3	1.531,98
8	Vận chuyển bùn bằng xe cơ giới (Cự ly = 15km)	m3	759,10

- Thực hiện nạo vét lòng cống, hầm ga, mương rạch bằng phương pháp thủ công và vận chuyển bùn bằng xe cơ giới đến bãi đổ theo các bước chuẩn bị, thi công và dọn dẹp, cụ thể:

STT	Tên rạch, mương, cửa xả	Tổng	Dài	Rộng TB	Sâu TB	GHI CHÚ
A	Phần nạo vét bùn mương, rạch B<=6m, (m3)	1.532,0				
	XÃ PHÚ XUÂN	192,0			5 tuyến	
1	1 Cửa xả Khu nhà ở Phú Xuân 3.6ha (KDC Vạn Hưng Phú)	24,0	12	4	0,5	
2	3 Cửa xả Khu dân cư phú xuân mở rộng 10,4ha (KDC Vạn Hưng Phú)	90,0	45	4	0,5	
3	1 Cửa xả Khu nhà ở CBCNV Cảng Sài Gòn xã Phú Xuân	28,0	14	4	0,5	
4	1 Cửa xả đường Trung tâm hành chính nổi dài	26,0	13	4	0,5	
5	1 Cửa xả đường vào Trung tâm văn hóa	24,0	12	4	0,5	
	THỊ TRẤN NHÀ BÈ	982,2			2 tuyến	
6	Rạch Nò - Nhánh 1 (TT3)	173,7	193	3	0,3	
7	Rạch Ba Bọng (TT1)	808,5	539	5	0,3	
	XÃ PHƯỚC KIÊN	258,0			1 tuyến	
8	4 Cửa xả Khu dân cư Phước Kiên (SADECO 1)	258,0	86	6	0,5	
	XÃ PHƯỚC LỘC	99,8			2 tuyến	
9	2 Cửa xả 330 Đào Sư Tích	64,8	26	5	0,5	
10	1 Cửa xả khu tái định cư T30	35,0	14	5	0,5	

STT	TÊN ĐƯỜNG, HÈM	ĐỊA ĐIỂM (CỬ)	CHIỀU DÀI CỐNG D1200 (m)	CHIỀU DÀI CỐNG D1000 (m)	CHIỀU DÀI CỐNG D800 (m)	CHIỀU DÀI CỐNG D600 (m)	CHIỀU DÀI CỐNG D400 (m)	CHIỀU DÀI CỐNG D300 (m)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

0	Huỳnh Tấn Phát (bên trái từ cầu Phú Xuân đi bên phà Bình Khánh)	Thị trấn Nhà Bè							
1	1763	Thị trấn Nhà Bè					71,00		
2	1831	Thị trấn Nhà Bè				69,00			
3	1831/10	Thị trấn Nhà Bè				25,00			
4	1831/10	Thị trấn Nhà Bè				65,00			
5	1927	Thị trấn Nhà Bè				121,00	66,00		
6	1927/9	Thị trấn Nhà Bè						60,00	
7	1927/7	Thị trấn Nhà Bè						63,00	
8	2129	Thị trấn Nhà Bè				207,00			
9	2129/8	Thị trấn Nhà Bè						62,00	
10	2129/29	Thị trấn Nhà Bè				190,00			
11	2129/29/2/7	Thị trấn Nhà Bè					96		
12	2155	Thị trấn Nhà Bè					126		
13	2177	Thị trấn Nhà Bè						68	
14	2221	Thị trấn Nhà Bè				200			
15	2221/1	Thị trấn Nhà Bè					47		
16	2221/1/2	Thị trấn Nhà Bè					74		
17	2221/1/2/1	Thị trấn Nhà Bè					123		
18	2251	Thị trấn Nhà Bè				96			
19	2251/6	Thị trấn Nhà Bè				23			

19	Huỳnh Tấn Phát (bên phải từ cầu Phú Xuân đi bến phà Bình Khánh)	Thị trấn Nhà Bè							
20	1632/11/16/14	Thị trấn Nhà Bè				86			
21	1632	Thị trấn Nhà Bè				62			
22	1632/11	Thị trấn Nhà Bè				65			
23	1632/11/16	Thị trấn Nhà Bè				100			
24	1632/11/16	Thị trấn Nhà Bè						59	
25	1632/11/16	Thị trấn Nhà Bè				54		163	
26	1768	Thị trấn Nhà Bè				121		33	
27	1776	Thị trấn Nhà Bè				122			
28	1806	Thị trấn Nhà Bè				706		116	
29	1806/23	Thị trấn Nhà Bè					100	25	
30	1806/45	Thị trấn Nhà Bè					98		
31	1806/45/20	Thị trấn Nhà Bè						73	
32	1806/77	Thị trấn Nhà Bè						75	
33	1806/77/18	Thị trấn Nhà Bè						25	
34	1806/77/18	Thị trấn Nhà Bè						82	
35	1832	Thị trấn Nhà Bè						113	
36	1886	Thị trấn Nhà Bè				367			
37	1886/45	Thị trấn Nhà Bè						80	
38	1886/58	Thị trấn Nhà Bè						118	
39	1886/66	Thị trấn Nhà Bè					74		
40	1886/78	Thị trấn Nhà Bè					130		

41	1902/10	Thị trấn Nhà Bè						98	
42	1942	Thị trấn Nhà Bè				454			
43	1886/75	Thị trấn Nhà Bè					201		
44	1942/90	Thị trấn Nhà Bè					108		
45	1942/118	Thị trấn Nhà Bè						161	
46	1942/27	Thị trấn Nhà Bè						59	
47	1942/67	Thị trấn Nhà Bè						56	
48	1982/53/25	Thị trấn Nhà Bè						25	
49	1982/53/25/2	Thị trấn Nhà Bè						80	
50	1942/67	Thị trấn Nhà Bè						35	
51	1982/27/12	Thị trấn Nhà Bè						88	
52	2000	Thị trấn Nhà Bè					87		
53	2056	Thị trấn Nhà Bè				290			
54	2056/11	Thị trấn Nhà Bè						63	
55	2056/21	Thị trấn Nhà Bè						138	
56	2056/29	Thị trấn Nhà Bè						90	
56	Đường Dương Cát Lợi.	Thị trấn Nhà Bè							
57	23	Thị trấn Nhà Bè				120			
58	23/2	Thị trấn Nhà Bè				86			
59	23/2/15	Thị trấn Nhà Bè					48		
60	56	Thị trấn Nhà Bè				73			
61	90	Thị trấn Nhà Bè						155	
62	96 (98 cũ)	Thị trấn Nhà Bè						217	
62	Đường Đặng Nhữ Lâm	Thị trấn Nhà Bè							

63	38	Thị trấn Nhà Bè						151	
64	38/2	Thị trấn Nhà Bè						59	
65	38	Thị trấn Nhà Bè						49	
66	7	Thị trấn Nhà Bè				138			
67	17	Thị trấn Nhà Bè				120			
68	39	Thị trấn Nhà Bè						120	
69	43	Thị trấn Nhà Bè				67			
70	51	Thị trấn Nhà Bè					82		
71	67	Thị trấn Nhà Bè						92	
71	Huỳnh Tấn Phát (bên trái từ cầu Phú Xuân đi bên phà Bình Khánh)	Thị trấn Nhà Bè							
72	1831/12	Thị trấn Nhà Bè					46		
73	1897/17	Thị trấn Nhà Bè						105	
74	2129/15	Thị trấn Nhà Bè					84		
75	2279/23	Thị trấn Nhà Bè				120			
76	2279/23/3	Thị trấn Nhà Bè					42		
77	2279/23/1/4	Thị trấn Nhà Bè					87		
78	2279/23/7	Thị trấn Nhà Bè						30	
79	2279/23/9	Thị trấn Nhà Bè						61	
80	2295/1	Thị trấn Nhà Bè						46	
81	2295/73	Thị trấn Nhà Bè						83	
82	2295/73/2	Thị trấn Nhà Bè						23	

82	Huỳnh Tấn Phát (bên phải từ cầu Phú Xuân đi bến phà Bình Khánh)	Thị trấn Nhà Bè							
83	1632/11/16/45	Thị trấn Nhà Bè						83	
84	1632/11/16/37	Thị trấn Nhà Bè						63	
85	1806/23/39	Thị trấn Nhà Bè						50	
86	1806/23/47	Thị trấn Nhà Bè						56	
87	1806/45/20/14	Thị trấn Nhà Bè						60	
88	1806/45/20/18	Thị trấn Nhà Bè						43	
89	1806/45/20/1	Thị trấn Nhà Bè						78	
90	1806/105	Thị trấn Nhà Bè						121	
91	1806/111	Thị trấn Nhà Bè						80	
92	1806/111/6	Thị trấn Nhà Bè						61	
93	1806/111/3	Thị trấn Nhà Bè						126	
94	1806/111/11	Thị trấn Nhà Bè						62	
95	1830	Thị trấn Nhà Bè						66	
96	1942/90	Thị trấn Nhà Bè					108		
97	1942/67/16	Thị trấn Nhà Bè						54	
98	1942/111	Thị trấn Nhà Bè					134		
99	1942/113	Thị trấn Nhà Bè						56	
100	1982/27/12/1	Thị trấn Nhà Bè						61	
101	1982/27/3	Thị trấn Nhà Bè						48	
102	1982/53/22	Thị trấn Nhà Bè					45		
103	2056/29/10	Thị trấn Nhà Bè						22	

104	2056/29 (nổi dài)	Thị trấn Nhà Bè						35	
104	Đường Dương Cát Lợi.	Thị trấn Nhà Bè							
105	76/1	Thị trấn Nhà Bè						28	
106	90	Thị trấn Nhà Bè						145	
107	90	Thị trấn Nhà Bè						92	
107	Đường Đặng Nhữ Lâm	Thị trấn Nhà Bè							
108	51/1	Thị trấn Nhà Bè						60	
109	48/104 (46/104 cũ)	Thị trấn Nhà Bè					48		
109	Đường Đào Tông Nguyên	Thị trấn Nhà Bè							
110	73	Thị trấn Nhà Bè						163	
111	73/10	Thị trấn Nhà Bè			18				
112	96/1 (98/1 cũ)	Thị trấn Nhà Bè					66		
113	96/3 (98/3 cũ)	Thị trấn Nhà Bè					68		
113	Huỳnh Tấn Phát (bên trái từ cầu Phú Xuân đi bến phà Bình Khánh)	Thị trấn Nhà Bè							
114	17 HTĐ nổi dài	Thị trấn Nhà Bè					54		
114	Huỳnh Tấn Phát (bên phải từ cầu Phú Xuân đi bến phà Bình Khánh)	Thị trấn Nhà Bè							
115	1806/105	Thị trấn Nhà Bè				58		58	
116	1982/100	Thị trấn Nhà Bè					45	137	
117	1942/112	Thị trấn Nhà Bè						46	
117	Đường Dương Cát Lợi.	Thị trấn Nhà Bè							

118	90/53	Thị trấn Nhà Bè					36		
119	98 nối dài	Thị trấn Nhà Bè					25		
120	83	Thị trấn Nhà Bè					70		
121	83 nối dài	Thị trấn Nhà Bè				35	52		
122	83/49	Thị trấn Nhà Bè				23			
123	83/63	Thị trấn Nhà Bè				27			
124	83/76 nối dài	Thị trấn Nhà Bè			68				
125	83/76/21	Thị trấn Nhà Bè	98	98					
126	Đặng Nhữ Lâm	Thị trấn Nhà Bè			200,00	77,00			
127	Dương Cát Lợi	Thị trấn Nhà Bè				445,00	90,00		
128	Đào Tông Nguyên	Thị trấn Nhà Bè + xã Phú Xuân			615,00		126,00		
129	Xây dựng đường Trung tâm hành chính nối dài	Xã Phú Xuân	42,00	695,00	440,00			84,00	
129	Đường Huỳnh Tấn Phát (bên trái hướng từ cầu Phú Xuân đi bến phà)	Xã Phú Xuân							
130	2759	Xã Phú Xuân				257			
131	2771	Xã Phú Xuân						298	
132	2801	Xã Phú Xuân						208	
133	2855/11	Xã Phú Xuân						36	
133	Đường Huỳnh Tấn Phát (bên phải hướng từ cầu Phú Xuân đi bến phà)	Xã Phú Xuân							
134	2276	Xã Phú Xuân					35		

135	2680/12	Xã Phú Xuân					82		
136	2680/20/5	Xã Phú Xuân						50	
137	2680/20	Xã Phú Xuân						174	
138	2680/5	Xã Phú Xuân						55	
139	2680/37/19	Xã Phú Xuân						40	
140	2680/47	Xã Phú Xuân						58	
141	2722	Xã Phú Xuân					85		
142	2722/3	Xã Phú Xuân					75		
143	2806	Xã Phú Xuân					293		
144	2806/70	Xã Phú Xuân						68	
145	2814/68	Xã Phú Xuân				83			
145	Đường Đào Tông Nguyên (bên phải từ Huỳnh Tấn Phát đi kho dầu C)	Xã Phú Xuân							
146	28	Xã Phú Xuân				173		24	
146	Đường Huỳnh Tấn Phát (bên trái hướng từ cầu Phú Xuân đi bến phà)	Xã Phú Xuân							
147	2463	Xã Phú Xuân						59	
148	2463/11	Xã Phú Xuân						40	
149	2503	Xã Phú Xuân						106	
150	2503/1	Xã Phú Xuân					94		
151	2503/5	Xã Phú Xuân						18	
152	2503/17	Xã Phú Xuân						55	
153	2545	Xã Phú Xuân					81		

154	2581/13	Xã Phú Xuân						97	
155	2581/23	Xã Phú Xuân						233	
156	2581/27	Xã Phú Xuân				30	155		
156	Đường Huỳnh Tấn Phát (bên phải hướng từ cầu Phú Xuân đi bến phà)	Xã Phú Xuân							
157	2144	Xã Phú Xuân					169		
158	2144/6	Xã Phú Xuân						42	
159	2144/21	Xã Phú Xuân						53	
160	2174	Xã Phú Xuân				195			
161	2174/2	Xã Phú Xuân					40		
162	2174/8	Xã Phú Xuân						83	
163	2174/24	Xã Phú Xuân						62	
164	2174/1	Xã Phú Xuân					87		
165	2174/29	Xã Phú Xuân					135		
166	2174/29/9	Xã Phú Xuân						20	
167	2174/37	Xã Phú Xuân						41	
168	2250	Xã Phú Xuân				106			
169	2266	Xã Phú Xuân				130			
170	2266/3	Xã Phú Xuân					85		
171	2266/14	Xã Phú Xuân			151			36	
172	2266/14/19	Xã Phú Xuân						57	
173	2266/14/21	Xã Phú Xuân					56		
174	2266/18	Xã Phú Xuân						70	
175	2302	Xã Phú Xuân						42	

175	Đường Nguyễn Bình (bên trái hướng từ Huỳnh Tấn Phát đi cầu Mương Chuối)	Xã Phú Xuân							
176	61/7	Xã Phú Xuân					53		
177	133	Xã Phú Xuân				93			
178	133/1	Xã Phú Xuân				116			
179	205	Xã Phú Xuân				69			
180	205	Xã Phú Xuân				46			
181	205	Xã Phú Xuân				45			
182	205	Xã Phú Xuân				54			
183	223	Xã Phú Xuân				120			
184	443	Xã Phú Xuân						86	
185	477	Xã Phú Xuân						195	
186	479	Xã Phú Xuân				128			
187	479	Xã Phú Xuân				113			
188	529	Xã Phú Xuân				150		30	
189	529	Xã Phú Xuân				200		33	
190	529/51	Xã Phú Xuân						75	
190	Đường Nguyễn Bình (bên phải hướng từ Huỳnh Tấn Phát đi cầu Mương Chuối)	Xã Phú Xuân							
191	80	Xã Phú Xuân				441		51	

192	226	Xã Phú Xuân				141			
193	226/4	Xã Phú Xuân					22		
194	226/6	Xã Phú Xuân					43		
194	Đường Đào Tông Nguyên (bên phải từ Huỳnh Tấn Phát đi kho dầu C)	Xã Phú Xuân							
195	28/4	Xã Phú Xuân						44	
196	96	Xã Phú Xuân				395	36		
197	96/5	Xã Phú Xuân						240	
198	96	Xã Phú Xuân			90	278			
198	Đường Huỳnh Tấn Phát (bên trái hướng từ cầu Phú Xuân đi bến phà)	Xã Phú Xuân							
199	2581/13	Xã Phú Xuân				100	21		
200	2581/13	Xã Phú Xuân				18	4		
201	2637/29	Xã Phú Xuân				60			
202	2637/21	Xã Phú Xuân				172			
203	2637/21	Xã Phú Xuân					40		
204	2637/21	Xã Phú Xuân					15		
205	2637/21	Xã Phú Xuân					20		
205	Đường Huỳnh Tấn Phát (bên phải hướng từ cầu Phú Xuân đi bến phà)	Xã Phú Xuân							
206	2266/14	Xã Phú Xuân				88			
207	2266/14	Xã Phú Xuân				145			

208	2266/14/29	Xã Phú Xuân					149		
209	2266/14/29/12	Xã Phú Xuân					60		
210	2266/14/31	Xã Phú Xuân					58		
211	2266/14/56	Xã Phú Xuân					95		
212	2534/2	Xã Phú Xuân				381		36	
213	2552/7	Xã Phú Xuân				101	80	32	
214	2564	Xã Phú Xuân				125	8		
215	2564	Xã Phú Xuân				144	24		
215	Đường Nguyễn Bình (bên trái hướng từ Huỳnh Tấn Phát đi cầu Mương Chuối)	Xã Phú Xuân							
216	529/47	Xã Phú Xuân					74		
216	Đường Nguyễn Bình (bên phải hướng từ Huỳnh Tấn Phát đi cầu Mương Chuối)	Xã Phú Xuân							
217	434/7/36	Xã Phú Xuân					112		
217	Đường Nguyễn Bình (bên trái hướng từ Huỳnh Tấn Phát đi cầu Mương Chuối)	Xã Phú Xuân							
218	61	Xã Phú Xuân				160			
219	61/1	Xã Phú Xuân					17		

220	279	Xã Phú Xuân						96	
220	Đường Nguyễn Bình (bên phải hướng từ Huỳnh Tấn Phát đi cầu Mương Chuối)	Xã Phú Xuân							
221	554	Xã Phú Xuân				66			
222	2534	Xã Phú Xuân						165	
222	Các tuyến đường thuộc Khu dân cư xã Phước Kiển (KDC Lập Phúc), Sở GTVT phân cấp tại Quyết định số 5114/QĐ-SGTVT ngày 07/9/2018	Xã Phước Kiển							
222	Thoát nước mưa (D400: 205m; D600: 776m; D800: 121m; D1000: 92m; Hồ ga: 65 cái)	Xã Phước Kiển							
223	Đường số 2 - Khu dân cư xã Phước Kiển (KDC Lập Phúc)	Xã Phước Kiển				159,00			
223	Đường Lê Văn Lương (bên trái hướng từ đường Nguyễn Văn Linh đi xã Phước Kiển)	Xã Phước Kiển							
224	1053	Xã Phước Kiển				173	22,5		

225	1243	Xã Phước Kiển				583	120		
226	1243/2	Xã Phước Kiển					175		
226	Đường Lê Văn Lương (bên phải hướng từ đường Nguyễn Văn Linh đi xã Phước Kiển)	Xã Phước Kiển							
227	724	Xã Phước Kiển				357			
228	724/45	Xã Phước Kiển			194				
229	724/22	Xã Phước Kiển					300		
230	724/11	Xã Phước Kiển					40		
231	938	Xã Phước Kiển				84			
232	1078	Xã Phước Kiển				86	32		
233	1118	Xã Phước Kiển					77		
234	1118/1	Xã Phước Kiển						69	
235	1168	Xã Phước Kiển				157	20		
236	1368	Xã Phước Kiển				582		80	

236	Đường Phạm Hữu Lâu (bên trái từ đường Nguyễn Hữu Thọ đi cầu Phước Long)	Xã Phước Kiển							
237	366 (368 cũ)	Xã Phước Kiển					502		
238	360	Xã Phước Kiển				364	278	39	
239	360/59	Xã Phước Kiển				61			
240	336/1	Xã Phước Kiển						50	
240	Đường Phạm Hữu Lâu (bên phải từ đường Nguyễn Hữu Thọ đi cầu Phước Long)	Xã Phước Kiển							
241	387	Xã Phước Kiển				333		39	
242	387	Xã Phước Kiển					59		
242	Đường Đào Sư Tích (bên phải hướng từ Cầu Phước Lộc đi kênh cây Khô)	Xã Phước Kiển							
242	Đường Lê Văn Lương (bên trái hướng từ đường Nguyễn Văn Linh đi xã Phước Kiển)	Xã Phước Kiển							
243	1437	Xã Phước Kiển						129	

243	Đường Lê Văn Lương (bên phải hướng từ đường Nguyễn Văn Linh đi xã Phước Kiển)	Xã Phước Kiển							
244	768	Xã Phước Kiển						61	
245	786	Xã Phước Kiển						70	
246	1000	Xã Phước Kiển					95		
247	1168/3	Xã Phước Kiển						73	
248	1168/9	Xã Phước Kiển						28	
249	1368/44	Xã Phước Kiển					88		
250	1368/17	Xã Phước Kiển						80	
251	1368/49	Xã Phước Kiển					98	84	
252	1368/51	Xã Phước Kiển					111		
253	1368/51/3	Xã Phước Kiển					121		
254	1368/59	Xã Phước Kiển					99		
255	1368/79	Xã Phước Kiển					186		
256	1368/79/1	Xã Phước Kiển					166	94	

256	Đường Phạm Hữu Lâu (bên trái từ đường Nguyễn Hữu Thọ đi cầu Phước Long)	Xã Phước Kiển							
257	360/1	Xã Phước Kiển					353		
258	360/10/15	Xã Phước Kiển					24		
258	Đường Phạm Hữu Lâu (bên phải từ đường Nguyễn Hữu Thọ đi cầu Phước Long)	Xã Phước Kiển							
259	379	Xã Phước Kiển						104	
260	387/29	Xã Phước Kiển						133	
261	387/35	Xã Phước Kiển						58	
262	387/32	Xã Phước Kiển						85	
262	Đường Lê Văn Lương (bên phải hướng từ đường Nguyễn Văn Linh đi xã Phước Kiển)	Xã Phước Kiển							
263	1288 nối dài	Xã Phước Kiển					131		
263	Đường Phạm Hữu Lâu (bên phải từ đường Nguyễn Hữu Thọ đi cầu Phước Long)	Xã Phước Kiển							

264	387/2	Xã Phước Kiển					81		
265	387/2/3	Xã Phước Kiển					30	9	
266	387/2/11	Xã Phước Kiển					55		
266	Đường Đào Sư Tích (bên trái từ đường Lê Văn Lương đi cầu Phước Lộc)	Xã Phước Kiển							
266	Đường Lê Văn Lương (bên trái hướng từ đường Nguyễn Văn Linh đi xã Phước Kiển)	Xã Phước Kiển							
266	Đường Lê Văn Lương	Xã Phước Kiển							
267	1419/164	Xã Phước Kiển						60	
267	Đường Đào Sư Tích	Xã Phước Kiển							
268	205/27	Xã Phước Kiển						120	
268	Đường Phạm Hữu Lầu	Xã Phước Kiển							
269	465	Xã Phước Kiển					100		
269	Đường Phạm Hữu Lầu (bên phải từ đường Nguyễn Hữu Thọ đi cầu Phước Long)	Xã Phước Kiển							

270	360/23	Xã Phước Kiển					135		
271	214/2	Xã Phước Lộc				179		28	
272	214/1	Xã Phước Lộc				75		82	
273	214	Xã Phước Lộc				30			
274	270	Xã Phước Lộc				90		12	
275	294	Xã Phước Lộc				209			
276	322	Xã Phước Lộc				126		18	
277	330	Xã Phước Lộc				197			
278	438	Xã Phước Lộc				223		27	
278	Đường Nguyễn Văn Ràng (bên trái hướng từ đường Nguyễn Văn Linh đi xã Phước Lộc)	Xã Phước Lộc							
279	49	Xã Phước Lộc				80		9	
280	85	Xã Phước Lộc				68		6	
281	129	Xã Phước Lộc				10			
282	187	Xã Phước Lộc				96		28	

283	217	Xã Phước Lộc						65	
284	237	Xã Phước Lộc				227		33	
285	283	Xã Phước Lộc					80		
286	283/2	Xã Phước Lộc						155	
286	Đường Đào Sư Tích (bên phải hướng từ Cầu Phước Lộc đi kênh cây Khô)	Xã Phước Lộc							
287	438/2	Xã Phước Lộc				63		9	
287	Đường Đào Sư Tích (bên trái hướng từ Cầu Phước Lộc đi kênh cây Khô)	Xã Phước Lộc							
288	233	Xã Phước Lộc						50	
288	Đường Nguyễn Văn Ràng (bên trái hướng từ đường Nguyễn Văn Linh đi xã Phước Lộc)	Xã Phước Lộc							
289	26	Xã Phước Lộc				340		20	
290	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư T30	Xã Phước Lộc					157,6		

290	Đường Đào Sư Tích (bên phải hướng từ Cầu Phước Lộc đi kênh cây Khô)	Xã Phước Lộc							
291	620	Xã Phước Lộc					94	6	
291	Đường Đào Sư Tích (bên trái hướng từ Cầu Phước Lộc đi kênh cây Khô)	Xã Phước Lộc							
292	259	Xã Phước Lộc				94			
293	329	Xã Phước Lộc				65		12	
294	Nguyễn Văn Ràng (đường Bờ Tây cũ)	Xã Phước Lộc				235,00			

Thời gian thực hiện :

Nhà thầu phải thực hiện công việc trong thời gian: tối đa 150 ngày.

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:**PHƯƠNG THỨC KIỂM TRA - GIÁM SÁT - NGHIỆM THU:**

- Chủ đầu tư thực hiện công tác kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất phát hiện sai sót, lập biên bản yêu cầu Nhà thầu chấn chỉnh kịp thời.

2. Yêu cầu về kỹ thuật nạo vét, khơi thông.**2.1. Giới thiệu :**

Phần yêu cầu kỹ thuật này trình bày các yêu cầu cơ bản về kỹ thuật thi công, theo dõi và kiểm soát chất lượng, xử lý và sửa chữa các sai sót, đo đạc và nghiệm thu cho các hạng mục công việc trong quá trình thi công các hạng mục của công trình.

Phần yêu cầu kỹ thuật này là một bộ phận của Hợp đồng do đó việc Nhà thầu không tuân thủ đúng dẫn các yêu cầu kỹ thuật cơ bản nêu ở đây trong quá trình thực hiện Hợp đồng sẽ được xem như là Nhà thầu đã vi phạm Hợp đồng.

Tùy thuộc vào loại công trình thi công và các hạng mục công việc cụ thể khi thực hiện Hợp đồng Nhà thầu phải tham chiếu đến các yêu cầu kỹ thuật tương ứng để đánh giá và thực hiện đầy đủ, đúng dẫn yêu cầu đó.

2.2. Theo dõi và kiểm tra chất lượng :

a. Chương trình đảm bảo chất lượng :

Dịch vụ cung cấp để thực hiện các yêu cầu của Điều kiện sách phải được phù hợp với các yêu cầu của chương trình đảm bảo chất lượng do Nhà thầu lập ra.

Chương trình đảm bảo chất lượng sẽ được dẫn chứng bằng số liệu với đầy đủ chi tiết để đoan chắc với Chủ đầu tư rằng các yêu cầu của Điều kiện sách sẽ được đáp ứng thực hiện công việc, và chương trình này ít nhất cũng sẽ cung cấp các yêu cầu mà chương trình tuân theo.

b. Tiêu chuẩn chất lượng :

Khuyến khích các Nhà thầu áp dụng phương pháp quản lý khoa học theo mô hình quản lý chất lượng dựa trên tiêu chuẩn ISO 9000.

c. Tài liệu chứng minh :

Kế hoạch chất lượng sẽ gồm một hệ thống nhằm đảm bảo là tài liệu chứng minh cần thiết để chứng nhận việc hoàn thành bất kỳ giai đoạn nào của công trình, việc sử dụng vật tư phù hợp, việc hoàn thành kiểm tra và thử nghiệm, tính có thể chấp nhận đối với các kết quả được lập ra, xem xét lại, lưu trữ và chuyển giao lại Cán bộ Giám sát trong thời hạn yêu cầu.

d. Thẩm tra :

Kế hoạch chất lượng sẽ qui định công việc thẩm tra các hoạt động của Nhà thầu trong quá trình thi công nhằm xác định sự tuân thủ của tổ chức đối với các yêu cầu của hợp đồng và các thủ tục lập kế hoạch chất lượng.

3. Khả năng huy động lực lượng lao động và thiết bị thi công :

Nhà thầu phải có biện pháp huy động máy móc thiết bị thi công nhằm đáp ứng được tiến độ công việc theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Máy móc, thiết bị thi công và trang thiết bị văn phòng của Nhà thầu trên công trường trước khi thi công đều phải được kiểm tra về số lượng, chủng loại, tính năng và tình trạng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu thiết kế đề ra và hồ sơ dự thầu, đồng thời phải được Cán bộ giám sát ký xác nhận bằng văn bản mới được phép triển khai thi công. Không chấp nhận các loại máy móc thiết bị không có đăng kiểm hoạt động trên công trường.

Nhân lực của Nhà thầu trên công trường do Nhà thầu huy động và quản lý, phải đáp ứng tính chất công việc của gói thầu.

MỤC 3: NGHIỆM THU VÀ THANH TOÁN :

a. Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thiết bị, nhân lực và phương tiện cần thiết cho cán bộ giám sát trong quá trình đo đạc và nghiệm thu các hạng mục công việc mà Nhà thầu đã thực hiện.

b. Nhà thầu, cán bộ giám sát và Chủ đầu tư phải tuân thủ đầy đủ và đúng đắn các quy định, thủ tục nghiệm thu công trình đã được qui định trong Quy trình Quản lý chất lượng công trình xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và các văn bản hướng dẫn khác.

c. Chủ đầu tư chỉ được thanh toán cho các hạng mục công việc do Nhà thầu thi công đạt chất lượng và được cán bộ giám sát nghiệm thu một cách đúng đắn. Việc thanh toán phải tuân theo các điều khoản và điều kiện trình bày trong hợp đồng dựa trên khối lượng nghiệm thu thực tế và đơn giá của hạng mục công việc hay khoản gộp trình bày trong bảng kê khối lượng của hợp đồng.

d. Tất cả các hạng mục công việc cần thiết mà Nhà thầu phải thực hiện đúng theo yêu cầu kỹ thuật quy định nhưng không được nêu trong hợp đồng thì được xem như đã bao hàm trong các hạng mục công việc khác có liên quan đã trình bày trong bảng kê khối lượng của hợp đồng.

MỤC 4: KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG – AN TOÀN LAO ĐỘNG – AN TOÀN GIAO THÔNG

1. Kế hoạch bảo vệ môi trường:

a. Các tiêu chuẩn thi công được sử dụng để đấu thầu và ký hợp đồng bao hàm an toàn cho công nhân, môi trường và sức khỏe.

b. Các hành động chính Nhà thầu cần thực hiện là lập kế hoạch và biện pháp quản lý các chất thải rắn và chất thải đất trong công trình bao gồm:

- Các thủ tục về tháo dỡ tháo dỡ, thu hồi đối với các chất thải rắn do việc phá dỡ các công trình cũ phải được vận chuyển đến nơi quy định.

- Đổ và ổn định bùn cát nạo vét từ các hố móng công trình, vận chuyển đến bãi thải quy định hoàn toàn không làm ảnh hưởng đến đất canh tác, sinh hoạt cũng như nguồn nước của nhân dân. Trường hợp đồ án không quy định bãi thải Nhà thầu vẫn phải thực hiện vận chuyển vật liệu thải đến bãi thải công cộng. Phần chi phí này Nhà thầu phải đưa vào giá dự thầu khi lập Hồ sơ dự thầu.

- Chọn vị trí bãi thải và cách xử lý chất thải hợp lý.

- Tại bãi thải Nhà thầu không được để lầy lội bùn nhùng và lấp một công trình nào gần đó, vị trí bãi thải được tính sao cho khi có mưa lớn, hoặc lũ thì không ảnh hưởng đến đời sống nhân dân quanh vùng. Tuyệt đối Nhà thầu không được thải các chất dễ gây ô nhiễm cho nguồn nước như xăng dầu, các sản phẩm nhựa... xuống lòng hồ, sông hoặc bất cứ nguồn nước nào.

- Lập kế hoạch và biện pháp quản lý về giao thông đường thủy, giao thông đường bộ nhằm đảm bảo cho việc thi công đạt chất lượng tốt và đảm bảo sự đi lại trong khu vực, đảm bảo an toàn cho mọi phương tiện giao thông, tránh nhiễm bẩn không khí do cát bụi làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của nhân dân tại khu vực xây dựng công trình.

- Có kế hoạch và biện pháp quản lý về thiết bị thi công và vật liệu, biện pháp bảo đảm an toàn cho thiết bị và công nhân, biện pháp chống cháy nổ, phòng lũ lụt trong thời gian thi công, biện pháp giữ gìn vệ sinh hiện trường thi công, xử lý an toàn nước thải, các khu vực vệ sinh, kế hoạch cung cấp nước uống có chất lượng tốt.

- Nhà thầu phải có biện pháp xử lý kịp thời đến việc ô nhiễm nguồn nước do quá trình thi công gây ra, biện pháp này phải được sự đồng ý của Chủ đầu tư.

- Hoàn trả lại mặt bằng đối với những khu vực sử dụng làm mặt bằng công trường, san trả lại các bãi vật liệu sau khi lấy đất đảm bảo đời sống nhân dân và sự phát triển bình thường của các cây trồng, vật nuôi.

- Tháo dỡ lán trại nhà kho và thu dọn vệ sinh mặt bằng trước khi bỏ hiện trường thi công.

2. An toàn lao động :

- Nhà thầu phải tuân thủ quy định về an toàn lao động TCVN 5308 – 91 “Quy phạm kỹ thuật an toàn trong lao động”. Ngoài ra còn phải tuân thủ theo yêu cầu kỹ thuật dưới đây.

- Xung quanh khu vực công trường phải rào ngăn và bố trí trạm gác không cho người không có nhiệm vụ ra vào công trường. Đơn vị thi công phải trình Chủ đầu tư bản vẽ mặt bằng công trường trong đó có thể hiện :

- Vị trí công trình chính và tạm thời.
- Vị trí các xưởng gia công kho tàng nơi lắp ráp cấu kiện máy thiết bị phục vụ thi công.
- Khu vực sắp xếp nguyên vật liệu, phế liệu, kết cấu bê tông đúc sẵn.
- Các tuyến đường đi lại vận chuyển của các phương tiện cơ giới và thủ công.
- Hệ thống các công trình năng lượng, nước phục vụ thi công và sinh hoạt.
- Những vùng nguy hiểm do vật có thể rơi từ trên cao xuống phải được rào chắn đặt biển báo hoặc làm mái che bảo vệ.

- Trong khu vực xây dựng công trình, nếu có các đầu mối giao thông thủy, bộ đi qua thì Nhà thầu phải có sơ đồ chỉ dẫn rõ ràng từng tuyến đường cho các loại phương tiện lưu thông đúng quy định của luật an toàn giao thông hiện hành của Bộ giao thông vận tải và phải cử cán bộ làm nhiệm vụ điều tiết lưu lượng phương tiện giao thông qua lại trên khu vực xây dựng công trình, hoặc hợp đồng với một cơ quan có chức năng để đảm nhận việc điều tiết lưu lượng giao thông đường thủy, đường bộ sao cho đảm bảo an toàn không gây ách tắc giao thông trong khu vực. Chi phí cho công tác này Nhà thầu phải tính toán đưa vào giá dự thầu.

- Các phần dẫn điện trần của các thiết bị điện phải được bọc kín bằng vật liệu cách điện hoặc đặt ở độ cao đảm bảo an toàn và thuận tiện cho việc thao tác.

- Công tác xây lắp phải dùng các loại giàn giáo và giá đỡ theo thiết kế thi công được Nhà thầu lập. Khi giàn giáo cao hơn 6m phải làm ít nhất hai sàn công tác, sàn làm việc bên trên và sàn bảo vệ bên dưới, khi làm việc đồng thời trên hai sàn thì khoảng cách giữa hai sàn này phải có sàn hay lưới bảo vệ. Cấm làm việc đồng thời trên hai sàn trong cùng một khoang mà không có biện pháp bảo đảm an toàn.

- Cấm sử dụng các gàu, ben chuyên vữa bê tông khi các nắp của chúng không đậy kín hoặc khi các bộ phận treo móc không đảm bảo.

- Cấm vận chuyển vật liệu trên miệng hố móng khi đang có người làm việc ở dưới hố nếu không có biện pháp bảo đảm an toàn.

3. Đảm bảo an toàn giao thông :

- Khi thi công các hạng mục trên phần mặt đường hiện hữu có xe đang lưu thông cần tổ chức các biện pháp để đảm bảo an toàn cho phạm vi công trường thi công.

- Khi thi công phải có biện pháp đảm bảo an toàn giao thông cho các phương tiện lưu thông trên đoạn tuyến đang thi công.

- Trong quá trình thi công, phải đảm bảo hoạt động lưu thông trên tuyến vẫn bình thường Đơn vị thi công phải có biện pháp tổ chức tốt việc đảm bảo giao thông cho đến khi công trình bàn giao đưa vào sử dụng. Trong quá trình thi công cần đảm bảo không cho vật tư, xe thi công lấn chiếm phần đường lưu thông.

- Các thiết bị thi công không được lấn chiếm phần mặt đường đang thông xe, xung quanh các thiết bị thi công có gắn biển “nguy hiểm” và dán đề can phản quang. Ban đêm tại vị trí thiết bị đậu nghỉ có đèn báo hiệu.

- Phải đặt đầy đủ các bảng và dụng cụ báo hiệu công trường hợp lệ ngày và đêm theo qui định hiện hành để thi công, sửa chữa các chỗ bị hư hại và ngay cả tại chỗ bị hư hại mà chưa tiến hành việc sửa chữa nhằm tránh mọi tai nạn giao thông.

- Bố trí các biển báo hiệu như biển báo hạn chế tốc độ, biển báo công trường, biển báo nguy hiểm ... và các biển báo hiệu cần thiết khác ở cả 2 đầu công trường. Tất cả các biển báo này được sơn bằng sơn phản quang, giữa các biển báo được phân ranh giới thi công bằng dây mềm sơn đỏ trắng hoặc các hàng rào di động được chế bằng thép, sơn phản quang màu trắng đỏ.

- Dọc theo tuyến công trường đang thi công được đặt cọc tiêu, rào chắn, biển báo di động để giới hạn phân đường xe chạy và phạm vi thi công.
- Thi công ban đêm nhất thiết phải bố trí đủ đèn, đủ ánh sáng để các phương tiện giao thông hoặc người đi bộ nhận biết để né tránh.
- Phần đất đào lên phải được di chuyển ngay khỏi phạm vi công trường, trong trường hợp cho tập kết thì phải để gọn gàng.
- Đối với các nơi xử lý do đào với kích thước lớn và sâu, phải được rào chắn cả 4 mặt với hàng rào có kích thước lớn hơn. Hàng rào được sơn trắng đỏ và lắp đặt biển báo phòng vệ, ban đêm phải có đèn chiếu sáng.
- Đơn vị thi công phải chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu có tai nạn giao thông xảy ra trong suốt thời gian thi công.

Lập bảng thông báo thi công tại công trường.

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu phải trình bày một cách rõ ràng chi tiết về từng mốc thời gian chuẩn bị, đưa ra kế hoạch tổ chức điều động nhân sự, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công một cách khoa học, hợp lý cho công tác nạo vét lòng cống, hầm ga, mương rạch trên địa bàn xã Nhà Bè.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Mục này quy định về quy trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, trình tự giao nộp sản phẩm (nếu có)... để phục vụ công tác thanh, quyết toán hợp đồng.

MỤC 2: YÊU CẦU KỸ THUẬT

PHƯƠNG THỨC KIỂM TRA - GIÁM SÁT - NGHIỆM THU:

- Chủ đầu tư thực hiện công tác kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất phát hiện sai sót, lập biên bản yêu cầu Nhà thầu chấn chỉnh kịp thời.

2. Yêu cầu về kỹ thuật nạo vét, khơi thông.

2.1. Giới thiệu :

Phần yêu cầu kỹ thuật này trình bày các yêu cầu cơ bản về kỹ thuật thi công, theo dõi và kiểm soát chất lượng, xử lý và sửa chữa các sai sót, đo đạc và nghiệm thu cho các hạng mục công việc trong quá trình thi công các hạng mục của công trình.

Phần yêu cầu kỹ thuật này là một bộ phận của Hợp đồng do đó việc Nhà thầu không tuân thủ đúng dẫn các yêu cầu kỹ thuật cơ bản nêu ở đây trong quá trình thực hiện Hợp đồng sẽ được xem như là Nhà thầu đã vi phạm Hợp đồng.

Tùy thuộc vào loại công trình thi công và các hạng mục công việc cụ thể khi thực hiện Hợp đồng Nhà thầu phải tham chiếu đến các yêu cầu kỹ thuật tương ứng để đánh giá và thực hiện đầy đủ, đúng dẫn yêu cầu đó.

2.2. Theo dõi và kiểm tra chất lượng :

e. Chương trình đảm bảo chất lượng :

Dịch vụ cung cấp để thực hiện các yêu cầu của Điều kiện sách phải được phù hợp với các yêu cầu của chương trình đảm bảo chất lượng do Nhà thầu lập ra.

Chương trình đảm bảo chất lượng sẽ được dẫn chứng bằng số liệu với đầy đủ chi tiết để đoan chắc với Chủ đầu tư rằng các yêu cầu của Điều kiện sách sẽ được đáp ứng thực hiện công việc, và chương trình này ít nhất cũng sẽ cung cấp các yêu cầu mà chương trình tuân theo.

f. Tiêu chuẩn chất lượng :

Khuyến khích các Nhà thầu áp dụng phương pháp quản lý khoa học theo mô hình quản lý chất lượng dựa trên tiêu chuẩn ISO 9000.

g. Tài liệu chứng minh :

Kế hoạch chất lượng sẽ gồm một hệ thống nhằm đảm bảo là tài liệu chứng minh cần thiết để chứng nhận việc hoàn thành bất kỳ giai đoạn nào của công trình, việc sử dụng vật tư phù hợp, việc hoàn thành kiểm tra và thử nghiệm, tính có thể chấp nhận đối với các kết quả được lập ra, xem xét lại, lưu trữ và chuyển giao lại Cán bộ Giám sát trong thời hạn yêu cầu.

h. Thăm tra :

Kế hoạch chất lượng sẽ qui định công việc thăm tra các hoạt động của Nhà thầu trong quá trình thi công nhằm xác định sự tuân thủ của tổ chức đối với các yêu cầu của hợp đồng và các thủ tục lập kế hoạch chất lượng.

3. Khả năng huy động lực lượng lao động và thiết bị thi công :

Nhà thầu phải có biện pháp huy động máy móc thiết bị thi công nhằm đáp ứng được tiến độ công việc theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Máy móc, thiết bị thi công và trang thiết bị văn phòng của Nhà thầu trên công trường trước khi thi công đều phải được kiểm tra về số lượng, chủng loại, tính năng và tình trạng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu thiết kế đề ra và hồ sơ dự thầu, đồng thời phải được Cán bộ giám sát ký

xác nhận bằng văn bản mới được phép triển khai thi công. Không chấp nhận các loại máy móc thiết bị không có đăng kiểm hoạt động trên công trường.

Nhân lực của Nhà thầu trên công trường do Nhà thầu huy động và quản lý, phải đáp ứng tính chất công việc của gói thầu.

MỤC 3: NGHIỆM THU VÀ THANH TOÁN :

e. Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thiết bị, nhân lực và phương tiện cần thiết cho cán bộ giám sát trong quá trình đo đạc và nghiệm thu các hạng mục công việc mà Nhà thầu đã thực hiện.

f. Nhà thầu, cán bộ giám sát và Chủ đầu tư phải tuân thủ đầy đủ và đúng đắn các quy định, thủ tục nghiệm thu công trình đã được qui định trong Quy trình Quản lý chất lượng công trình xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và các văn bản hướng dẫn khác.

g. Chủ đầu tư chỉ được thanh toán cho các hạng mục công việc do Nhà thầu thi công đạt chất lượng và được cán bộ giám sát nghiệm thu một cách đúng đắn. Việc thanh toán phải tuân theo các điều khoản và điều kiện trình bày trong hợp đồng dựa trên khối lượng nghiệm thu thực tế và đơn giá của hạng mục công việc hay khoản gộp trình bày trong bảng kê khối lượng của hợp đồng.

h. Tất cả các hạng mục công việc cần thiết mà Nhà thầu phải thực hiện đúng theo yêu cầu kỹ thuật quy định nhưng không được nêu trong hợp đồng thì được xem như đã bao hàm trong các hạng mục công việc khác có liên quan đã trình bày trong bảng kê khối lượng của hợp đồng.

MỤC 4: KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG – AN TOÀN LAO ĐỘNG – AN TOÀN GIAO THÔNG

1. Kế hoạch bảo vệ môi trường:

c. Các tiêu chuẩn thi công được sử dụng để đấu thầu và ký hợp đồng bao hàm an toàn cho công nhân, môi trường và sức khỏe.

d. Các hành động chính Nhà thầu cần thực hiện là lập kế hoạch và biện pháp quản lý các chất thải rắn và chất thải đất trong công trình bao gồm:

- Các thủ tục về tháo dỡ, thu hồi đối với các chất thải rắn do việc phá dỡ các công trình cũ phải được vận chuyển đến nơi quy định.

- Đổ và ổn định bùn cát nạo vét từ các hố móng công trình, vận chuyển đến bãi thải quy định hoàn toàn không làm ảnh hưởng đến đất canh tác, sinh hoạt cũng như nguồn nước của nhân dân. Trường hợp đề án không quy định bãi thải Nhà thầu vẫn phải thực hiện vận chuyển vật liệu thải đến bãi thải công cộng. Phần chi phí này Nhà thầu phải đưa vào giá dự thầu khi lập Hồ sơ dự thầu.

- Chọn vị trí bãi thải và cách xử lý chất thải hợp lý.

- Tại bãi thải Nhà thầu không được để lộ bùng nhùng và lập một công trình nào gần đó, vị trí bãi thải được tính sao cho khi có mưa lớn, hoặc lũ thì không ảnh hưởng đến đời sống nhân dân quanh vùng. Tuyệt đối Nhà thầu không được thải các chất dễ gây ô nhiễm cho nguồn nước như xăng dầu, các sản phẩm nhựa... xuống lòng hồ, sông hoặc bất cứ nguồn nước nào.

- Lập kế hoạch và biện pháp quản lý về giao thông đường thủy, giao thông đường bộ nhằm đảm bảo cho việc thi công đạt chất lượng tốt và đảm bảo sự đi lại trong khu vực, đảm bảo an toàn cho mọi phương tiện giao thông, tránh nhiễm bẩn không khí do cát bụi làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của nhân dân tại khu vực xây dựng công trình.

- Có kế hoạch và biện pháp quản lý về thiết bị thi công và vật liệu, biện pháp bảo đảm an toàn cho thiết bị và công nhân, biện pháp chống cháy nổ, phòng lũ lụt trong thời gian thi công, biện pháp giữ gìn vệ sinh hiện trường thi công, xử lý an toàn nước thải, các khu vực vệ sinh, kế hoạch cung cấp nước uống có chất lượng tốt.

- Nhà thầu phải có biện pháp xử lý kịp thời đến việc ô nhiễm nguồn nước do quá trình thi công gây ra, biện pháp này phải được sự đồng ý của Chủ đầu tư.

- Hoàn trả lại mặt bằng đối với những khu vực sử dụng làm mặt bằng công trường, san trả lại các bãi vật liệu sau khi lấy đất đảm bảo đời sống nhân dân và sự phát triển bình thường của các cây trồng, vật nuôi.

- Tháo dỡ lán trại nhà kho và thu dọn vệ sinh mặt bằng trước khi bỏ hiện trường thi công.

2. An toàn lao động :

- Nhà thầu phải tuân thủ quy định về an toàn lao động TCVN 5308 – 91 “Quy phạm kỹ thuật an toàn trong lao động”. Ngoài ra còn phải tuân thủ theo yêu cầu kỹ thuật dưới đây.

- Xung quanh khu vực công trường phải rào ngăn và bố trí trạm gác không cho người không có nhiệm vụ ra vào công trường. Đơn vị thi công phải trình Chủ đầu tư bản vẽ mặt bằng công trường trong đó có thể hiện :

- Vị trí công trình chính và tạm thời.

- Vị trí các xưởng gia công kho tàng nơi lắp ráp cấu kiện máy thiết bị phục vụ thi công.

- Khu vực sắp xếp nguyên vật liệu, phế liệu, kết cấu bê tông đúc sẵn.

- Các tuyến đường đi lại vận chuyển của các phương tiện cơ giới và thủ công.

- Hệ thống các công trình năng lượng, nước phục vụ thi công và sinh hoạt.

- Những vùng nguy hiểm do vật có thể rơi từ trên cao xuống phải được rào chắn đặt biển báo hoặc làm mái che bảo vệ.

- Trong khu vực xây dựng công trình, nếu có các đầu mối giao thông thủy, bộ đi qua thì Nhà thầu phải có sơ đồ chỉ dẫn rõ ràng từng tuyến đường cho các loại phương tiện lưu thông đúng quy định của luật an toàn giao thông hiện hành của Bộ giao thông vận tải và phải cử cán bộ làm nhiệm vụ điều tiết lưu lượng phương tiện giao thông qua lại trên khu vực xây dựng công trình, hoặc hợp đồng với một cơ quan có chức năng để đảm nhận việc điều tiết lưu lượng giao thông đường thủy, đường bộ sao cho đảm bảo an toàn không gây ách tắc giao thông trong khu vực. Chi phí cho công tác này Nhà thầu phải tính toán đưa vào giá dự thầu.

- Các phân dẫn điện trần của các thiết bị điện phải được bọc kín bằng vật liệu cách điện hoặc đặt ở độ cao đảm bảo an toàn và thuận tiện cho việc thao tác.

- Công tác xây lắp phải dùng các loại giàn giáo và giá đỡ theo thiết kế thi công được Nhà thầu lập. Khi giàn giáo cao hơn 6m phải làm ít nhất hai sàn công tác, sàn làm việc bên trên và sàn bảo vệ bên dưới, khi làm việc đồng thời trên hai sàn thì khoảng cách giữa hai sàn này phải có sàn hay lưới bảo vệ. Cấm làm việc đồng thời trên hai sàn trong cùng một khoang mà không có biện pháp bảo đảm an toàn.

- Cấm sử dụng các gầu, ben chuyên vữa bê tông khi các nắp của chúng không đậy kín hoặc khi các bộ phận treo móc không đảm bảo.

- Cấm vận chuyển vật liệu trên miệng hố móng khi đang có người làm việc ở dưới hố nếu không có biện pháp bảo đảm an toàn.

3. Đảm bảo an toàn giao thông :

- Khi thi công các hạng mục trên phần mặt đường hiện hữu có xe đang lưu thông cần tổ chức các biện pháp để đảm bảo an toàn cho phạm vi công trường thi công.
- Khi thi công phải có biện pháp đảm bảo an toàn giao thông cho các phương tiện lưu thông trên đoạn tuyến đang thi công.
- Trong quá trình thi công, phải đảm bảo hoạt động lưu thông trên tuyến vẫn bình thường Đơn vị thi công phải có biện pháp tổ chức tốt việc đảm bảo giao thông cho đến khi công trình bàn giao đưa vào sử dụng. Trong quá trình thi công cần đảm bảo không cho vật tư, xe thi công lấn chiếm phần đường lưu thông.
- Các thiết bị thi công không được lấn chiếm phần mặt đường đang thông xe, xung quanh các thiết bị thi công có gắn biển “nguy hiểm” và dán đề can phản quang. Ban đêm tại vị trí thiết bị đậu nghỉ có đèn báo hiệu.
- Phải đặt đầy đủ các bảng và dụng cụ báo hiệu công trường hợp lệ ngày và đêm theo qui định hiện hành để thi công, sửa chữa các chỗ bị hư hại và ngay cả tại chỗ bị hư hại mà chưa tiến hành việc sửa chữa nhằm tránh mọi tai nạn giao thông.
- Bố trí các biển báo hiệu như biển báo hạn chế tốc độ, biển báo công trường, biển báo nguy hiểm ... và các biển báo hiệu cần thiết khác ở cả 2 đầu công trường. Tất cả các biển báo này được sơn bằng sơn phản quang, giữa các biển báo được phân ranh giới thi công bằng dây mềm sơn đỏ trắng hoặc các hàng rào di động được chế bằng thép, sơn phản quang màu trắng đỏ.
- Dọc theo tuyến công trường đang thi công được đặt cọc tiêu, rào chắn, biển báo di động để giới hạn phần đường xe chạy và phạm vi thi công.
- Thi công ban đêm nhất thiết phải bố trí đủ đèn, đủ ánh sáng để các phương tiện giao thông hoặc người đi bộ nhận biết để né tránh.
- Phân đất đào lên phải được di chuyển ngay khỏi phạm vi công trường, trong trường hợp cho tập kết thì phải để gọn gàng.
- Đối với các nơi xử lý do đào với kích thước lớn và sâu, phải được rào chắn cả 4 mặt với hàng rào có kích thước lớn hơn. Hàng rào được sơn trắng đỏ và lắp đặt biển báo phòng vệ, ban đêm phải có đèn chiếu sáng.
- Đơn vị thi công phải chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu có tai nạn giao thông xảy ra trong suốt thời gian thi công.
- Lập bảng thông báo thi công tại công trường.

MỤC 5: KẾ HOẠCH, CÁC GIẢI PHÁP KỸ THUẬT, BIỆN PHÁP TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ

Nhà thầu phải trình bày một cách rõ ràng chi tiết về từng mốc thời gian chuẩn bị, đưa ra kế hoạch tổ chức điều động nhân sự, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công một cách khoa học, hợp lý cho công tác nạo vét, khơi thông dòng chảy của kênh.